

Số: **06/2018/KDTM-PT**

Ngày: 24/4/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Cùng các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Bà Hồ Thị Thanh Thuý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Sung – Kiểm sát
viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLPT-KMTM ngày 02/4/2018 về “*Tranh
chấp hợp đồng mua bán thức ăn*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018/KDTM-ST ngày
30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2018/QĐ-PT ngày
10/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi R Hậu Giang

Địa chỉ: Khu công nghiệp A, huyện B, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H - chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn Kh – chức vụ: Phó giám đốc kinh doanh.

2. Bị đơn: Ông Châu Thành V, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: ông Châu Thành V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn do ông Lê Văn Kh đại diện trình bày: Ngày 01/01/2017 Công ty có ký hợp đồng số 77/HĐMB-2017 với đại lý V Lài do ông Châu Thành V làm chủ đại lý, thời hạn phát sinh hiệu lực của hợp đồng là 01 năm với nội dung công ty bán mặt hàng thức ăn chăn nuôi gia súc cho ông Châu Thành V. Hai bên thỏa thuận phía ông V phải thanh toán cho công ty đủ tiền hàng theo số lượng mua của mỗi đợt và theo giá trong bảng giá áp dụng tại thời điểm mua hàng và phía ông V phải thanh toán cho công ty trước khi nhận hàng bằng tiền mặt tại văn phòng công ty hoặc chuyển khoản cho công ty. Tuy nhiên, phía công ty vẫn tạo điều kiện cho ông V được nợ lại 30% của tổng số lượng hàng hóa mua mỗi đợt. Đến tháng 5/2017 phía ông V còn nợ lại công ty 30% của lượng hàng đợt trước với số tiền 371.539.862 đồng, công ty có tiếp tục bán cho ông V thêm đợt hàng 10 tấn vào ngày 09/5/2017 nhưng ông V vẫn không thanh toán nợ cũ. Phía công ty có gửi văn bản nhắc nhở ông V thanh toán nợ cũ nhiều lần nhưng ông V vẫn không thanh toán và ông V cũng không tiếp tục mua hàng của công ty. Nay công ty yêu cầu ông V thanh toán số tiền 371.539.862 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra trong quá trình ký kết hợp đồng, ông V có giao cho công ty 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA236270 do ông V đứng tên quyền sử dụng đất để thực hiện hợp đồng. Nay công ty đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V. Đối với yêu cầu phản tố của ông V thì công ty không đồng ý do ông V chưa đáp ứng được các điều kiện của công ty nên không thể nhận được các ưu đãi của công ty.

Bị đơn là ông Châu Thành V đại diện trình bày: ông là chủ đại lý thức ăn gia súc V Lài. Ông thừa nhận ông có mua hàng hóa của công ty R và còn nợ công ty số tiền mua hàng là 371.539.862 đồng. Quá trình ký kết hợp đồng các bên còn thỏa thuận miệng là việc thanh toán giá trị của lượng hàng đợt trước thì công ty cho đại lý nợ lại 30% của giá trị hàng hóa đợt trước. Nay ông V đồng ý trả cho công ty số tiền trên nhưng yêu cầu công ty cản trừ các khoản: tiền chương trình sỏ vàng 1% của thời gian từ 01/5/2016 đến 30/4/2017 với số tiền 190.859.750 đồng; tiền chương trình 1%/năm từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/12/2017 với số tiền 64.523.870 đồng mà ông V được hưởng để trừ vào nợ gốc. Mặc dù các chương trình trên chưa đảm bảo về mặt thời gian và số lượng hàng hóa đã giao kết nhưng do công ty không tiếp tục bán hàng hóa cho ông V, ông V không phải là người tự ý cắt hợp đồng nên công ty vẫn phải có nghĩa vụ đối với ông V. Ông V xin rút lại yêu cầu đối với phí chuyển tiền 6.000.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nay công ty trả lại thì ông V đồng ý nhận lại.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam quyết định:

Áp dụng Điều 24, 50, 55 luật Thương mại; Điều 570, 572 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi R Hậu Giang. Buộc ông Châu Thành V phải trả cho công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi R Hậu Giang số tiền 371.539.862 đồng (ba trăm bảy mươi một triệu năm trăm ba mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Châu Thành V đối với các khoản tiền: tiền chương trình sổ vàng 1% của thời gian từ 01/5/2016 đến 30/4/2017 với số tiền 190.859.750 đồng; tiền chương trình 1%/năm từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/12/2017 với số tiền 64.523.870 đồng mà ông V được hưởng để trừ vào nợ gốc với công ty.

Đình chỉ vụ án đối với yêu cầu phản tố của ông V về việc yêu cầu công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi R Hậu Giang trả 6.000.000 đồng phí chuyển tiền.

Ghi nhận công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi R Hậu Giang trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA236270 do ông Châu Thành V đứng tên quyền sử dụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, các khoản tiền nêu trên chưa thi hành sẽ được áp dụng lãi suất trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/02/2018 ông Châu Thành V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông V.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của Công ty R giữ yêu cầu khởi kiện. Phía ông V không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: kháng cáo của ông V là không có căn cứ, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thống nhất: hai bên ký hợp đồng số 77/HĐMB-2017 ngày 01/01/2017, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì phía đại lý còn nợ lại công ty số tiền 371.539.862 đồng. Công ty yêu cầu ông V trả số tiền trên, không yêu cầu lãi suất và công ty đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đứng tên ông V. Ông V thừa nhận và đồng ý trả cho công ty số tiền 371.539.862 đồng. Tuy nhiên ông V yêu cầu công ty cân trừ các khoản: tiền chương trình sổ vàng 1% của thời gian từ 01/5/2016 đến 30/4/2017 với số tiền 190.859.750 đồng; tiền chương trình 1%/năm từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/12/2017 với số tiền 64.523.870 đồng mà ông V được hưởng để trừ vào nợ gốc.

Xét kháng cáo của ông V đối với yêu cầu tiền chương trình 1%/năm, HĐXX nhận thấy: tại Điều 3, mục 3.1 của hợp đồng quy định về sản lượng mua hàng tối thiểu là 160 tấn/tháng, tức là 1.920 tấn/12 tháng. Tại khoản 1 của phụ lục hợp đồng quy định rõ chiết khấu năm là 1% trên doanh thu nếu bên B đạt sản lượng 1.920 tấn/12 tháng. Tại Điều 3, mục 3.2 của hợp đồng quy định rõ: bên B phải bảo đảm hiệu quả kinh doanh theo chỉ tiêu. Nếu bên B không đáp ứng các chỉ tiêu thì bên A sẽ ngừng các chính sách hỗ trợ, khuyến mãi đồng thời thu hồi nợ ngay lập tức. Như vậy, đối cH với các điều khoản trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng thì phía đại lý đã không đạt được chỉ tiêu kinh doanh như hai bên đã thỏa thuận. Do đó, phía công ty có quyền ngừng các chính sách khuyến mãi và hỗ trợ.

Đối với yêu cầu của ông V về tiền chương trình sổ vàng 1% của thời gian từ 01/5/2016 đến 30/4/2017 với số tiền 190.859.750, HĐXX nhận thấy: ông V cũng không đáp ứng được các điều kiện về chỉ tiêu kinh doanh và thời gian thực hiện chương trình là đến cuối năm 2017 nên phía công ty không đồng ý với yêu cầu của ông V là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng. Ông V cho rằng do công ty không tiếp tục bán hàng hóa cho ông, ông không phải là người tự cắt hợp đồng nên phía công ty vẫn phải có nghĩa vụ đối với ông V. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 8 của hợp đồng quy định nếu một bên vi phạm điều khoản của hợp đồng thì bên kia có quyền chấm dứt hợp đồng. Như vậy, việc công ty chấm dứt hợp đồng là do phía ông V đã vi phạm hợp đồng, cụ thể là ông V đã không thanh toán các khoản nợ khi đến hạn cho công ty như đã cam kết. Do đó, lời trình bày của ông V là không có cơ sở.

Ông V kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới. Ấn so thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi R Hậu Giang là có căn cứ. Từ những nhận định trên thấy rằng kháng cáo của ông V là không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Châu Thành V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Châu Thành V, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018/KDTM-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi R Hậu Giang. Buộc ông Châu Thành V phải trả cho công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi R Hậu Giang số tiền 371.539.862 đồng (ba trăm bảy mươi một triệu năm trăm ba mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Châu Thành V đối với các khoản tiền: tiền chương trình sỏ vàng 1% của thời gian từ 01/5/2016 đến 30/4/2017 với số tiền 190.859.750 đồng; tiền chương trình 1%/năm từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/12/2017 với số tiền 64.523.870 đồng mà ông V được hưởng để trừ vào nợ gốc với công ty.

Đình chỉ vụ án đối với yêu cầu phản tố của ông Châu Thành V về việc yêu cầu công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi R Hậu Giang trả 6.000.000 đồng phí chuyển tiền.

Ghi nhận công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi R Hậu Giang trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA236270 do ông Châu Thành V đứng tên quyền sử dụng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: ông Châu Thành V phải nộp số tiền là 29.077.000đ (hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.535.000 đồng theo biên lai thu số 0013549 ngày 06/12/2017, ông Châu Thành V còn phải nộp thêm số tiền 22.542.000 đ (hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Hoàn trả cho Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi R Hậu Giang số tiền tạm ứng án phí 9.288.500đ (chín triệu hai trăm tám mươi tám ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0013037 ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Châu Thành V phải nộp số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0014697 ngày 12/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam. Ông Châu Thành V phải nộp thêm số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm ngàn đồng).

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Tư